TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Thị trường sôi động, nhóm công ty chứng khoán báo doanh thu kỷ lục từ hoạt động môi giới và margin

12:21 31/10/2025

Trong quý III/2025, hai mảng môi giới và cho vay của các công ty chứng khoán ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 78% so với cùng kỳ.

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có quý III/2025 giao dịch sôi động hiếm thấy, với giá trị khớp lệnh bình quân đạt hơn 38.000 tỷ đồng mỗi phiên - tăng tới 74% so với quý II. Nhờ đó, các công ty chứng khoán ghi nhận mức tăng trưởng mạnh ở hai mảng dịch vụ cốt lõi: Môi giới và cho vay ký quỹ.

Theo thống kê sau mùa công bố báo cáo tài chính quý III/2025, kết quả kinh doanh của hơn 70 công ty chứng khoán cho thấy, doanh thu môi giới trong quý đạt hơn 7.120 tỷ đồng, cao gấp 2,26 lần cùng kỳ năm trước; lãi từ các khoản cho vay và phải thu cũng tăng 54%, lên gần 9.400 tỷ đồng. Khác với mảng môi giới phải chịu chi phí, doanh thu hoạt động cho vay gần như được quy đổi toàn bộ sang lợi nhuận gộp.

Tổng cộng, hai mảng này mang lại mức tăng trưởng doanh thu 78% so với cùng kỳ cho nhóm chứng khoán trong quý III/2025 (phần lớn được ghi nhận ở nhóm công ty đầu ngành), trở thành động lực chính giúp tổng doanh thu hoạt động toàn ngành tăng gấp đôi trong quý.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu môi giới toàn ngành đạt 13.666 tỷ đồng (+28%), trong khi lợi nhuận từ hoạt động cho vay đạt 16.300 tỷ đồng (+44%).

Ba cái tên VPS, SSI và TCBS hiện dẫn đầu về quy mô doanh thu ở cả hai mảng môi giới và cho vay ký quỹ - cũng đồng thời là nhóm đứng đầu thị phần trên sàn HoSE.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**		**78.382.769.920.190**	**49.394.749.963.613**
110	**I. Tài sản tài chính**		**78.349.422.229.172**	**49.341.572.003.957**
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	5.291.517.936.798	2.864.601.041.636
111.1	*1.1. Tiền*		*5.130.517.936.798*	*2.864.601.041.636*
111.2	*1.2. Các khoản tương đương tiền*		*161.000.000.000*	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	38.832.202.200	17.278.163.500
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.3	3.451.358.569.122	2.232.105.785.348
114	4. Các khoản cho vay	7.4	41.712.992.337.150	25.911.246.001.189
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	7.2	27.078.689.794.882	17.670.549.755.100
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(11.866.416.736)	(10.806.072.274)
117	7. Các khoản phải thu	9	526.862.178.976	539.116.528.852
117.2	*7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*		*526.862.178.976*	*539.116.528.852*
117.3	*7.1.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận*		*873*	*4.752.786*
117.4	*7.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*526.862.178.103*	*539.111.776.066*

Chi tiết phần bổ tài sản của TCBS - công ty chứng khoán nói không với tự doanh cổ phiếu

Tuy nhiên, sự tương quan giữa doanh thu và thị phần không hoàn toàn trùng khớp. Chẳng hạn, Chứng khoán Vietcap dù xếp thứ 4 về thị phần nhưng doanh thu mảng dịch vụ lại thấp hơn nhiều so với HSC, MBS, VNDirect hay VPBankS, do khác biệt về chính sách phí giao dịch và lãi suất margin.

Một điểm sáng khác của quý III là biên lợi nhuận mảng môi giới đã phục hồi mạnh, đặc biệt ở nhóm công ty dẫn đầu thị phần. Sau giai đoạn cạnh tranh gay gắt bằng giảm phí, tỷ suất sinh lời trung bình đã quay lại mức trên 38%, tương đương giai đoạn đỉnh cao cuối 2021 - đầu 2022.

Dòng tiền dồi dào và quy mô khách hàng mở rộng, mảng dịch vụ chứng khoán đang khẳng định lại vai trò đầu tàu, đóng góp ổn định và bền vững trong cơ cấu lợi nhuận của các công ty chứng khoán - một tín hiệu tích cực cho toàn ngành trong chu kỳ tăng trưởng mới.

Nhờ cú bứt phá trong quý III, doanh thu dịch vụ chứng khoán từ đầu năm tăng bình quân 37%, tiếp tục là nguồn thu chủ lực, đóng góp hơn 40% tổng doanh thu toàn ngành. Phần còn lại đến từ các mảng tự doanh, tư vấn phát hành, đầu tư HTM và AFS, chiếm gần một nửa cơ cấu.

Tuy nhiên, xét trên bức tranh lợi nhuận, phần lớn các công ty chứng khoán không còn phụ thuộc quá nhiều vào hoạt động tự doanh cổ phiếu - vốn tiềm ẩn rủi ro cao, ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt như VIX.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Số luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	**01**		2.751.202.607.528	400.809.332.055	5.233.939.644.931	827.540.799.886
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	***01.1***	*19.1*	*1.374.793.622.014*	*19.403.722.737*	*1.907.315.803.803*	*224.605.873.047*
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	***01.2***	*19.2*	*1.347.091.589.375*	*341.137.535.146*	*3.156.111.172.078*	*551.452.465.547*
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	***01.3***	*19.3*	*29.317.396.139*	*40.268.074.172*	*170.512.669.050*	*51.482.461.292*
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	**02**	19.4	23.472.174.330	185.972.602	52.322.974.333	370.082.191
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	**03**	19.4	341.442.653.158	110.727.477.149	716.618.758.852	344.260.107.708
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	**06**	20	91.984.918.744	25.844.707.533	155.371.257.885	102.831.826.334
1.5 Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	**07**	20	11.155.636.364	14.940.000.000	13.155.636.364	14.940.000.000
1.6 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	**09**	20	1.397.120.904	950.257.742	3.711.325.240	2.916.296.025
1.7 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	**10**	20	1.170.000.000	300.000.000	2.540.000.000	330.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20=01->11)	**20**		**3.221.825.111.028**	**553.757.747.081**	**6.177.659.597.605**	**1.293.189.112.144**

Phần lớn doanh thu của Chứng khoán VIX đến từ hoạt động tự doanh

Ngược lại, mảng cho vay ký quỹ tiếp tục là động lực lợi nhuận quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp tăng vốn, IPO và phát hành cổ phần mới diễn ra sôi động thời gian gần đây.

Minh Minh *(t/h)*